TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2019
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trương Nguơn.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Quân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Kim S, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Minh H, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kim S bày:***

Vào năm 2015, chị S với anh Nguyễn Minh H tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 2016, chị S với anh H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly

thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị S yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Chị S với anh H không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị S không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa và trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Minh H vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản ghi ý kiến.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Cho chị S ly hôn anh H.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy anh Nguyễn Minh H đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiện họp, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Tại phiên tòa, chị S yêu cầu được ly hôn anh H. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2015, chị S sống chung với anh H và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm sống, chị S đã ly thân anh H từ tháng 10/2017 cho đến nay. Xét thấy tình cảm giữa chị S với anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời

sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh H vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản ghi ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị S ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Chị S với anh H không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[6] Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kim S ly hôn anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

+ Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị S đã nộp theo biên lai số 39897 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị S đã nộp xong án phí.

+ Anh H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu